

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ PHÚ YÊN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ PHÚ YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU YEN INTERNATIONAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHU YEN INTERNATIONAL INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110124600

3. Ngày thành lập: 21/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 6, đường Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0932266556

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại; - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn kim loại khác. (trừ kinh doanh vàng)	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Trồng cây hàng năm khác	0119
17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
19.	Trồng cây lâu năm khác	0129
20.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
21.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
22.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
23.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
24.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
25.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
26.	Chăn nuôi gia cầm	0146
27.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng (không bao gồm loại gây hại và loại cấm nuôi) ; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
30.	Khai thác gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)	0220
31.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
32.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	8299
34.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
35.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
36.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
37.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
38.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
39.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102

40.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
41.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
42.	Hoạt động thể thao khác	9319
43.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
44.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Kinh doanh dịch vụ vũ trường (Theo Điều 5 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường do Chính phủ ban hành ngày 19/6/2019); - Kinh doanh dịch vụ karaoke (Theo Điều 4 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường do Chính phủ ban hành ngày 19/6/2019).	9329
45.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ xoa bóp (Khoản 5 điều 3 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016) - Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
46.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
47.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Theo Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13, sửa đổi tại điểm a Khoản 2 Điều 75 Luật Đầu tư số: 61/2020/QH14)	6810(Chính)
48.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Loại trừ Đấu giá) Chi tiết: - Dịch vụ Quản lý bất động sản - Dịch vụ Tư vấn bất động sản - Dịch vụ Môi giới bất động sản (Theo Điều 62, Điều 74, Điều 75 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13)	6820

49.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán)	7020
50.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
51.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
52.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
53.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
54.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
55.	Quảng cáo	7310
56.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
57.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
58.	Cho thuê xe có động cơ	7710
59.	Bán buôn tổng hợp	4690
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
62.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
63.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
64.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
65.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
66.	Sản xuất rượu vang	1102
67.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
68.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
69.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
70.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
71.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
72.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ đấu giá bán lẻ qua internet).	4791
73.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
76.	Bốc xếp hàng hóa	5224
77.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

78.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Ký túc xá học sinh, sinh viên; - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm; - Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu như: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn hoặc dài hạn cho khách thuê trọ như: Nhà trọ cho công nhân, toa xe đường sắt cho thuê trọ, các dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú khác chưa kể ở trên.	5590
79.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
80.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5621
81.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.	5629
82.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
83.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
84.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
85.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
86.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
87.	Đại lý du lịch	7911
88.	Điều hành tua du lịch	7912
89.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
90.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
91.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

92.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
93.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
94.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
95.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
96.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
97.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
98.	Xây dựng nhà để ở	4101
99.	Xây dựng nhà không để ở	4102
100.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
101.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
102.	Xây dựng công trình điện	4221
103.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
104.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
105.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
106.	Xây dựng công trình thủy	4291
107.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
108.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
109.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
110.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
111.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
112.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
113.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
114.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiều liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 9.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HÀ QUANG	Phòng 605 tòa N6C đường Nguyễn Thị Thập, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	5,000	174048587	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	5,000		
2	ĐẶNG THANH VÂN	Nhà số 14, Thôn Văn Diễn, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	8.100.0 00	81.000.000.000	90,000	0011830139 03	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	8.100.0 00	81.000.000.000	90,000		

3	PHẠM VIỆT TIỆP	P407 Nhà B, Ngõ 133 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	5,000	037086000063
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VIỆT TIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 22/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037086000063

Ngày cấp: 05/04/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P407 Nhà B, Ngõ 133 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P407 Nhà B, Ngõ 133 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội